

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN D  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 30-8-2022  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Thị Hiền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Mỹ Trang;
2. Bà Nguyễn Hồng Phượng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngọc Bích Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện D.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Huyện D tham gia phiên tòa:** Bà Lâm Phượng Tú - Kiểm sát Viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa ngày 12-8-2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị S; S năm: 1983; địa chỉ cư trú : Tổ 4, Khu Phố A, Thị trấn D, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.
  2. *Bị đơn:* Lê Văn P; S năm: 1981; địa chỉ cư trú : Tổ 4, Khu Phố A, Thị trấn D, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.
- Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 3 năm 2022 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Đinh Thị S trình bày:* Chị và anh P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000, có tổ chức lễ cưới, đến năm 2002 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, Huyện D. Quá trình chung sống vợ chồng phát S mâu

thuần, do bất đồng quan điểm trong công việc và cuộc sống hằng ngày. Vợ chồng ly thân từ cuối năm 2002 đến nay. Quá trình ly thân vợ chồng có gặp nhau nhưng không bàn bạc việc đoàn tụ.

Về hôn nhân: Chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tiếp tục nên yêu cầu ly hôn với anh P.

Về con chung: Có 01 con tên Lê Hoàng V, S năm: 2001, hiện con chung đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân: Chị S đồng ý chịu theo quy định pháp luật.

Bị đơn anh Lê Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn cố tình vắng mặt nên không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu phát biểu ý kiến:*

Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Tại Tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, không vi phạm về tố tụng.

Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án cũng như tại Tòa hôm nay nhưng vẫn vắng mặt không lý do, xem như từ chối quyền và nghĩa vụ của mình. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S đối với anh P.
2. Về con chung: Không yêu cầu giải quyết
3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.
4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị S phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt các thủ tục tố tụng đối với nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đến giờ này vẫn vắng mặt không lý do, xem như bị đơn từ bỏ quyền yêu cầu của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn chị S, xét lời trình bày của S xác định chị và anh P tự nguyện chung sống vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, Huyện D và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15- 8-2022 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp theo đúng quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về hôn nhân: Quá trình giải quyết chị S giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh P. Xét thấy: Chị S và anh P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000. Quá trình chung sống, chị S nhận thấy anh P không quan tâm gia đình, thường xuyên cãi vã. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sống không hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ cuối năm 2002 đến nay không còn tình cảm.

Xét thấy, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S là có căn cứ.

[4] Về con chung: Hai anh chị có 01 con tên Lê Hoàng V, S năm: 2001, con chung đã trưởng thành, chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên cần ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị S không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

[6] Tại Tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S đối với anh P; không yêu cầu giải quyết về con chung, về tài sản chung và nợ chung nên ghi nhận. Hội đồng xét xử xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị S phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Đinh Thị S và anh Lê Văn P.

Chị S và anh P không còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

2. Về con chung: Không yêu cầu giải quyết.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.
4. Về án phí: Chị Đinh Thị S phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng là tiền tạm ứng án phí mà chị S đã nộp theo biên lai thu số 0012185 ngày 18-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh; chị S đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.
5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.
6. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.DMC;
- CCTHA H.DMC;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa Phiên tòa**

**Đào Thị Hiền**